

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/DS-ST

Ngày: 10-08-2026

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị P, ông Giáp Văn Thịnh

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa**: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Hà Văn M, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R (nay là thôn V), xã T, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R (nay là thôn V), xã T, tỉnh Bắc Ninh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R (nay là thôn V), xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Hà Thị P, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R (nay là thôn V), xã T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Văn M trình bày: Giữa ông với vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P có quan hệ họ hàng. Chị Hà Thị P là con anh trai ruột ông. Cuối năm 2022, ông nhận làm cai xây dựng nhà ở cho vợ chồng anh V, chị P. Các bên không lập hợp đồng bằng văn bản, chỉ thỏa thuận miệng là 1.200.000 đồng/01m². Tháng 02/2023, công trình xây dựng xong, ông và vợ chồng anh V, chị P chốt sổ công nợ. Vợ chồng anh V, chị P phải thanh trả ông số tiền là 392.000.000 đồng. Sau khi chốt công nợ, vợ chồng anh V, chị P trả ông được 272.000.000 đồng. Số tiền còn lại 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), hai bên thống nhất chuyển thành khoản tiền vay nợ. Ngày 11/02/2023, hai bên viết giấy nợ với nội dung, vợ chồng anh V, chị P vay ông số tiền là 120.000.000 đồng; thời hạn trả là ngày 28/05/2024. Các bên không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh V, chị P trả được 15.000.000 đồng, còn 105.000.000 đồng, vợ chồng ông đã nhiều lần gặp vợ chồng anh V, chị P yêu cầu anh V, chị P trả, nhưng vợ chồng anh V, chị P không trả. Vì vậy, ông yêu cầu vợ chồng anh V, chị P phải trả vợ chồng ông số tiền còn nợ là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn V trình bày: Ông Hà Văn M là chú ruột của vợ anh (Hà Thị P). Giữa anh với vợ chồng ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N không có vay mượn tiền gì của nhau. Do ông Hà Văn M là cai xây dựng, nên khoảng tháng 02/2022, vợ chồng anh có nhu cầu xây nhà ở 03 tầng (nhà ống), khoảng 300m², ông M nhận làm công trình của vợ chồng anh. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản, chỉ thỏa thuận miệng tiền công là 1.200.000 đồng/01m². Tháng 02/2023, công trình xây dựng xong, ông M bàn giao nhà cho vợ chồng anh, hai bên chốt tiền công, vợ chồng anh phải thanh cho ông M tổng số tiền công là 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Khi chốt tiền công, hai bên không lập văn bản nhưng có người chứng kiến, họ tên, địa chỉ anh không nhớ. Chốt xong khoản tiền công, vợ chồng anh đã thanh toán cho ông M được 272.000.000 đồng, số tiền còn lại 120.000.000 đồng do vợ chồng anh không có tiền trả ngay, nên ông M yêu cầu vợ chồng anh viết “Giấy vay tiền” ngày 11/02/2023. Theo giấy vay nợ, vợ chồng anh sẽ phải thanh toán trả ông M số tiền trên vào ngày 28/05/2024. Chữ viết và nội dung trong giấy vay tiền là do tự tay anh viết, viết xong cả 02 vợ chồng anh cùng ký. Giấy vay tiền được lập tại nhà hàng xóm (cạnh nhà anh) là bà Nguyễn Thị Miên. Khi lập và ký vào giấy vay tiền, vợ chồng anh hoàn toàn minh mẫn, bình thường. Tuy nhiên, do ông M nhiều lần ép buộc, đe dọa anh (không ép vợ anh) phải lập văn bản và ký nhận nợ, nên vợ chồng anh mới phải lập văn bản. Cụ thể có lần ông M dí nắm đấm vào

má anh và nói “mày không đủ tuổi ở đất này”...và nhiều lần đe dọa bằng lời nói “mày không đủ tuổi ở đất này”. Đến hạn vợ chồng anh đã trả ông M được 15.000.000 đồng, còn 105.000.000 đồng (Một trăm linh lăm triệu đồng) vợ chồng anh vẫn chưa trả. Lý do đến nay vợ chồng anh chưa trả ông M số tiền trên là do nhà anh bị hư hỏng nhiều chỗ, anh yêu cầu ông M sửa chữa nhưng ông M không sửa. Nay ông M yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền trên (105.000.000 đồng), anh chưa trả vì ông M chưa sửa chữa nhà cho anh, khi nào ông M sửa chữa nhà xong anh sẽ trả nốt. Anh đã được cán bộ Tòa án giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, vợ chồng anh không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hoàng Thị N nhất trí với ý kiến của chồng bà là nguyên đơn ông Hà Văn M.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Hà Thị P nhất trí với ý kiến của chồng chị là bị đơn anh Hoàng Văn V.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải liên đới trả ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Hoàn trả ông Hà Văn M tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp. Anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Trước khi ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N với anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P lập “Giấy vay tiền” ngày 11/02/2023, ông M và anh V, chị P có hợp đồng miệng với nội dung ông M xây nhà ở cho anh V, chị P với giá tiền công là 1.200.000 đồng/01m². Sau khi xây dựng xong và bàn giao công trình, hai bên chốt tiền công, anh V, chị P phải thanh toán trả ông M tổng số tiền là 392.000.000 đồng. Vợ chồng anh V, chị P đã trả được 272.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận chuyển thành khoản vay nợ và có lập hợp đồng.

Như vậy, hợp đồng xây nhà các bên đã giải quyết xong và chấm dứt, kể từ thời điểm các bên lập “Giấy vay tiền” ngày 11/02/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P cư trú tại thôn V, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Do có mối quan hệ họ hàng, đầu năm 2022, ông Hà Văn M có nhận xây nhà cho vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản, nhưng có hợp đồng miệng giá tiền công là 1.200.000 đồng/01m². Sau khi xây và bàn giao công trình xong, các bên chốt nợ, vợ chồng anh V, chị P phải trả cho ông M tổng số tiền công là 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Sau khi chốt nợ, anh V, chị P đã trả cho thanh toán cho ông M 272.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), còn 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) do vợ chồng anh V, chị P chưa có trả nên các bên thỏa thuận khoản nợ trên chuyển thành khoản vay. Ngày 11/02/2023, vợ chồng ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N với vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P đã lập “Giấy vay tiền”, các bên cùng ký, với nội dung vợ chồng anh V, chị P “có vay mượn số tiền của ông Hà Văn M 120.000.000 triệu đồng chẵn, một trăm hai mươi triệu đồng, để làm nhà, tôi hứa đến ngày 28/05/2024, hoàn trả số tiền trên đây đủ cho ông Hà Văn M...”. Đến hạn, anh V, chị P trả cho ông M được 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng), còn 105.000.000 đồng, ông M đi lại đòi nhiều lần nhưng anh V, chị P vẫn chưa trả.

[3.2] Xét, khi ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N với anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P viết và ký vào “Giấy vay tiền” ngày 11/02/2023, các bên đều hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như các bên đã cam kết.

[3.3] Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn M là có cơ sở. Căn cứ vào điều 166 Bộ luật dân sự, cần buộc anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải liên đới trả ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng), theo “Giấy vay tiền ngày 11/02/2023.

[3.4]. Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, cũng như suốt quá trình tố tụng, ông Hà Văn M không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[4] Quá trình tố tụng, anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P cho rằng anh V bị ông Hà Văn M đe dọa, ép phải viết giấy vay tiền, chuyển khoản nợ tiền công xây nhà (120.000.000 đồng) sang thành khoản vay nợ, nhưng những chứng cứ anh V, chị P đưa ra là không đủ cơ sở.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn; anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% trên tổng số tiền anh V, chị P phải trả cho ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N là $105.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.250.000 \text{ đồng}$.

[6] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 166, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn M. Buộc anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải liên đới trả lại ông Hà Văn M, bà Hoàng Thị N số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 11/02/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn V, chị Hà Thị P phải chịu 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hà Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001617 ngày 03/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bắc Ninh;
- VKSND Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Huân